TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **272/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: **30/06/2025**

V/v: Xin ly hôn giữa chị Lại Thị X và anh Hoàng Vũ B

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: **Ông Trần Tự Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Mai và ông Hoàng Văn Long**

Thư ký Toà án ghi bên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh Trì**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà: **Ông Dương Sơn Tiến- Kiểm sát viên**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 156/2025/TLST- HNGĐ ngày 24/04/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/06/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Lại Thị X, sinh năm 1984**

Nơi cư trú tại: Thôn Y, xã L, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

Tạm trú tại: Số nhà X phố N, phường V, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Anh Hoàng Vũ B, sinh năm 1977**

Nơi cư trú tại: Thôn Y, xã L, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

Tạm trú tại: Số nhà X, khu Y, cụm Z, thôn Y, xã L, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21/04/2025 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, chị Lại Thị X trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 23/07/2019 tại UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn, chúng tôi đều đã có vợ có chồng nhưng đều đã ly hôn hợp pháp

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng có xảy ra xô sát, cãi cọ nhau về công việc trong cuộc sống gia đình. Từ khi chung sống với nhau, anh B không có khả năng lo được cuộc sống cho tôi, không có nhà để ở, con đẻ tôi vẫn phải để ở nhà bố mẹ đẻ mà không được lên ở cùng tôi. Anh B bức xúc các công việc khác cũng đều đổ lên đầu tôi, thẩm chí còn đánh tôi. Từ đó trở đi vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng tôi đã chuyển đến số nhà 47 phố Nguyễn Như Đổ, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội từ ngày 21/07/2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, tôi xin được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Tôi và anh B không có con chung

- Về nhà ở chung: Tôi và anh B không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và anh B có 02 chiếc xe ô tô.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsumitshi, BKS: 29A: 813.18, xe mua ngày 26/06/2020 của anh Vũ Văn Thao, địa chỉ: Nguyễn Trãi, Hà Nội. Hai bên có viết giấy mua bán viết tay, Anh B đứng tên người mua với giá 140.000.000 đồng. Nguồn gốc tiền mua xe là do vợ chồng vay của ông Lại Hữu Sáng và bà Trần Thị Mai số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay hai bên không viết giấy tờ. Số tiền vay này, vợ chồng đã trả hết cho ông Sáng và bà Mai ngày 02/08/2024

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, BKS: 29C: 571.72, xe mua của anh Lương Văn Hùng, địa chỉ: Tổ 13 phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội ngày 27/12/2021, với giá 116.000.000 đồng. Nguồn gốc tiền mua là vợ chồng vay của ông Lại Hữu Sáng và bà Trần Thị Mai số tiền 90.000.000 đồng. Số tiền này, vợ chồng đã trả hết ông Sáng và bà Mai ngày 02/08/2024.

Đối với 02 chiếc xe ô tô này, anh B đã bán được 85.000.000 đồng và số tiền này vợ chồng đã dùng để trả nợ hết cho anh Hoàng Tùng Dương là con trai anh B và chị Hoàng Thị Thanh Hằng là chị gái anh B.

- Về công nợ:

+ Vợ chồng tôi có vay anh Hoàng Tùng Dương, sinh năm 2008 số tiền 190.000.000 đồng vào ngày 02/08/2024. Khi vay không có giấy tờ. Hiện nay chúng tôi đã trả cho anh Dương 25.000.000 đồng nguồn tiền từ việc bán 02 chiếc xe ô tô trên. Tôi xác định vợ chồng còn nợ anh Dương số tiền 165.000.000 đồng. Tôi xác định đây là khoản vay chung nên hai bên có trách nhiệm trả ½ số nợ. Tôi sẽ trả anh B vào ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

+ Vợ chồng vay của chị Hoàng Thị Thanh Hằng, sinh năm 1974, số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 26/06/2020. Khi vay không có giấy tờ. Hiện nay chúng tôi đã trả hết chị Hằng số tiền 60.000.000 đồng, nguồn tiền từ việc bán 02 chiếc xe ô tô trên

2. Bị đơn, anh Hoàng Vũ B trình bày:

- Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị X trình bày. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội.

Mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những việc rất nhỏ trong cuộc sống gia đình. Trước đây mâu thuẫn vợ chồng là do tôi không có đầy đủ điều kiện để chăm lo cho cuộc sống của chị X và con riêng của chị X nhưng đến nay tôi có đủ điều kiện để lo cuộc sống cho mẹ con chị X. Việc chị X khai vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi cọ nhau, thậm chí đánh nhau là đúng. Chị X khai, tôi hay bức xúc các công việc khác cũng đều đổ lên đầu chị X, thẩm chí còn đánh chị X là không đúng. Có lần do bức xúc nên tôi có tát chị X. Đến ngày 21/07/2024, chị X chuyển đến số nhà 47 phố Nguyễn Như Đổ, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội nguyên nhân là do trong một lần say rượu tôi xảy ra xô sát với người ngoài, chị X có căn ngăn, thẩm chí còn tát và đấm tôi. Từ đó vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Việc vợ chồng mâu thuẫn bản thân tôi đã nhận thức được hành động của mình là do nóng nảy nên tôi có hứa sửa đổi. Chúng tôi cũng vẫn qua lại, nói chuyện với nhau.

Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng chưa đến mức phải ly hôn. Chị X xin ly hôn, tôi không đồng ý vì tôi vẫn yêu thương chị X.

- Về con chung: Tôi và chị X không có con chung

- Về nhà ở chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 chiếc xe ô tô như chị X trình bày. Hiện 02 chiếc xe ô tô này, tôi đã bán được 85.000.000 đồng và đã dùng để trả nợ cho cháu Dương và chị Hằng

- Về công nợ:

+ Vợ chồng tôi có vay anh Hoàng Tùng Dương, sinh năm 2008 số tiền 190.000.000 đồng vào ngày 02/08/2024. Khi vay không có giấy tờ. Hiện nay số tiền này vẫn chưa trả chúng tôi đã trả cho anh Dương 25.000.000 đồng nguồn tiền từ việc bán 02 chiếc xe ô tô trên. Tôi xác định vợ chồng còn nợ anh Dương số tiền 165.000.000 đồng. Tôi xác định đây là khoản vay chung nên hai bên có trách nhiệm trả ½ số nợ.

+ Vợ chồng vay của chị Hoàng Thị Thanh Hằng, sinh năm 1974, số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 26/06/2020. Khi vay không có giấy tờ. Hiện nay chúng tôi đã trả hết cho chị Hằng số tiền 60.000.000 đồng.

Tại phiên toà:

- Chị Lại Thị X vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn anh B. Chị X đã trả số tiền 82.500.000 đồng cho anh B là người đại diện hợp pháp của cháu Tùng. Vợ chồng đã giải quyết xong về tài sản chung và công nợ.

- Anh Hoàng Vũ B xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Anh B đã nhận đủ số tiền 82.500.000 đồng chị X trả cho cháu Dương. Vợ chồng đã giải quyết xong về tài sản chung và công nợ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà pháp biểu** : Toà án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, xử:

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị X. Chị Lại Thị X được ly hôn anh Hoàng Vũ B

- Về con chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét

- Về nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự giải quyết do đó không xem xét

- Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Lại Thị X có đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Vũ B có nơi cư trú tại: Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lại Thị X và anh Hoàng Vũ B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, Hà Nam ngày 23/07/2019. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhau. Anh B thừa nhận tính cách nóng nảy nên đã có lần anh B đánh chị X. Ngoài ra mâu thuẫn vợ chồng một phần do anh B không có khả năng chăm lo được cuộc sống chung gia đình, không có chỗ ở, chị X mong muốn đưa con đẻ lên ở cùng nhưng anh B không có khả năng để chăm sóc. Từ đó trở đi, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Đến tháng 7/2024, chị X chuyển đến số nhà 47 phố Nguyễn Như Đổ, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội ở và vợ chồng sống ly thân.

Tại phiên tòa hôm nay anh B mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được các biện pháp hữu hiệu để cải thiện quan hệ vợ chồng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã cùng nhau thỏa thuận bán tài sản chung và mỗi người tự gánh vác phần nợ của mình. Điều đó thể hiện hai bên đã dứt khoát mối quan hệ vợ chồng, không còn mong muốn chung sống cùng với nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị X và anh B không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh B là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

*** Về con chung:** Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

*** Về nhà ở chung:** Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** Hai bên đã tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về án phí:** Chị Lại Thị X phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thị X. Chị Lại Thị X được ly hôn anh Hoàng Vũ B

2. Về con chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

3. Về nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đã tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lại Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057747 ngày 24/04/2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKS huyện Thanh Trì*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Trì*
- UBND xã Thanh Hà
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án; VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu